



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Số: 437/QĐ-AOSC

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận năng lực phòng hiệu chuẩn

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC
ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Nghị định 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số A-1245 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 08 tháng 4 năm 2022;

Căn cứ Quy định công nhận của Văn phòng Công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng - AOSC;

Xét đề nghị của Phòng Công nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận: **PHÒNG THỬ NGHIỆM, CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT TECHMASTER** có năng lực hiệu chuẩn đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 đối với các phép hiệu chuẩn trong phụ lục kèm theo.

Điều 2. Phòng hiệu chuẩn được cấp mã số: **VLAC-1.0333**.

Điều 3. Phòng hiệu chuẩn được công nhận tại Điều 1 được phép sử dụng dấu hiệu công nhận và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận năng lực hiệu chuẩn theo quy định hiện hành của AOSC trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25/8/2026 đến ngày 19/5/2030, thay thế Quyết định số 202/QĐ-AOSC ngày 20/5/2025 và phòng thử nghiệm phải chịu sự giám sát định kỳ không quá 12 tháng một lần.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu AD.

GIÁM ĐỐC



PGS.TS NGUYỄN THỊ KHÁNH TRÂM



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

No: 437/QĐ-AOSC

Hanoi, Aug 25, 2026

DECISION
On accreditation of calibration laboratory

**DIRECTOR OF ACCREDITATION OFFICE FOR STANDARDS CONFORMITY
ASSESSMENT CAPACITY**

*Pursuant to the Government's Decree No. 22/2026/NĐ-CP of January 16, 2026,
defining the conditions for the provision of conformity assessment services;*

*Pursuant to the Registration Certificate of Science and Technology Operation no.
A-1245 by Ministry of Science and Technology dated April 8, 2022;*

*Pursuant to the Accreditation Regulation of the Accreditation Office for Standards
Conformity Assessment Capacity - AOSC;*

At the proposal of the Accreditation Department.

DECIDES:

Article 1. Accredited: **LABORATORY, TECHMASTER TECHNICAL SERVICES
JOINT STOCK COMPANY** to have competence in calibration for the Calibration Tests
(attached annex) in conformity with ISO/IEC 17025:2017.

Article 2. Calibration Laboratory with the code: **VLAC-1.0333**.

Article 3. The accredited calibration Laboratory in Article 1 is permitted to use the
accreditation symbol and shall follow all the requirements of calibration competence
accreditation in AOSC's current regulation within the valid period of accreditation.

Article 4. This decision comes into effect from 25/8/2026 to 19/5/2030, replaces the
Decision no. 202/QĐ-AOSC date 20/5/2025 and testing Laboratory shall be under
periodical surveillance once a year.

Recipients:

- As Article 1;
- Archive: AD.

DIRECTOR



Assoc. Prof. NGUYEN THI KHANH TRAM



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

DANH MỤC CÁC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED CALIBRATION

(Ban hành kèm theo quyết định số: 437/QĐ-AOSC ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng)

Issue together with Decision no.: 437/QĐ-AOSC date 25 Aug 2026 of Accreditation Office for Standards Conformity Assessment Capacity)

- 1. Tên phòng hiệu chuẩn/ Calibration Lab name: Phòng thử nghiệm/ Laboratory**
- 2. Cơ quan chủ quản/ Organization: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT TECHMASTER/ TECHMASTER TECHNICAL SERVICES JOINT STOCK COMPANY**
- 3. Lĩnh vực hiệu chuẩn/ Field: Đo lường - Hiệu chuẩn/ Metrology - Calibration**
- 4. Người đại diện PTN/ Representative: Nguyễn Văn Tiến - Quản lý kỹ thuật**
- 5. Mã số phòng hiệu chuẩn/ Accredited code: VLAC-1.0333**
- 6. Thông tin phòng hiệu chuẩn/ Lab information**

Phòng thử nghiệm/ Laboratory

Địa chỉ/ Address: 175 Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh/ 175 Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City

7. Các phép hiệu chuẩn được công nhận/ Accredited Calibration Tests:

^(*): phép thử mở rộng

STT No.	Đại lượng đo/ phương tiện đo <i>Measurand equipment</i>	Phạm vi đo/hiệu chuẩn <i>Range of measurement</i>	Khả năng đo <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration procedure</i>
I. Lĩnh vực hiệu chuẩn/ Field of calibration: Hóa lý/ Physicochemical parameters				
1	Máy đo nồng độ bụi/ <i>Dust Monitor</i>	Lưu lượng hút/ Sample Flow (1 đến 5) L/min	0,061 L/min	TTS-06:20 26
		Nồng độ khối lượng/ Mass Concentration (100 đến 2000) ug/L	10 % of reading	
2	Quang kế sol khí/ <i>Aerosol photometer</i>	Lưu lượng: đến 30 L/min	0,39 % of reading	TTS-04:20 25
		Hàm lượng sol khí: (10 - 100) ug/L	12 % of reading	
3	Tủ an toàn sinh học/ <i>Biological safety cabinet</i> ; Tủ sạch/ <i>Clean cabinet</i>	Đo vận tốc gió vào/ Inflow velocity test: (0,01 - 5) m/s	Đến 0,01m/s	TTS-01:20 25
		Đo vận tốc gió xuống/ Downflow velocity test: (0,01 - 5) m/s	Đến 0,01m/s	
		Kiểm tra rò rỉ màng lọc HEPA/ULPA/ HEPA/ULPA filter leak test: Nồng độ sol khí/ Aerosol (5 - 100) ug/L	Đến 0,000 1 %	
		Kiểm tra hướng dòng khí/ Airflow smoke pattern test	-	
		Đo cường độ ánh sáng/ Lighting intensity test: (0,1 - 10 000) lx	Đến 0,1 lx	
		Đo độ ồn/ Noise level test: (20 - 130) dB	Đến 0,1 dB	
		Đo độ rung/ Vibration test: Độ dịch chuyển/ Displacement: (0,000 2 - 1) mm	Đến 0,000 1 mm	
		Đo cường độ ánh sáng tím UV/ UV Lighting intensity test: (1 - 200) uW/cm ²	Đến 1 uW/cm ²	
		Đếm hạt phân loại cấp độ sạch/ Airbone Particle cleanliness classification: (0,1; 0,2; 0,3; 0,5; 1,0; 5,0; 10; 25) um	-	

STT No.	Đại lượng đo/ phương tiện đo <i>Measurand equipment</i>	Phạm vi đo/hiệu chuẩn <i>Range of measurement</i>	Khả năng đo <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration procedure</i>
4	Máy đếm hạt tiểu phân trong không khí/ <i>Aerosol Particle Counter</i>	Độ phân giải cỡ hạt/ Size Resolution (0,15 đến 1) μm	5,5 % of reading	TTS-05:20 25
		Lưu lượng danh định/ Nominal flow rate: Đến 2,83 L/min; Đến 28,3 L/min; Đến 50 L/min; Đến 100 L/min	0,05 L/min; 0,25 L/min; 0,44 L/min; 0,84 L/min	
		Thời gian lấy mẫu/ Sampling time: đến/ to 1h	0,59 s	
		Hiệu suất đếm %CE (theo ISO 21501-4)/ Counting Efficiency (%CE) (according to ISO 21501-4): 50 %CE và/ and 100 %CE	3,0 % giá trị đọc/ of reading	
		Sai lệch kích cỡ hạt khi đếm với các hạt có kích thước từ 0,1 μm đến 5,0 μm / Size accuracy for particles from 0,1 μm to 5,0 μm	-	
		0,1 μm	0,004 μm ;	
		0,125 μm ;	0,004 μm ;	
		0,15 μm ;	0,006 μm ;	
		0,2 μm ;	0,005 μm ;	
		0,24 μm ;	0,006 μm ;	
		0,3 μm ;	0,006 μm ;	
		0,5 μm ;	0,008 μm ;	
		1,0 μm ;	0,025 μm ;	
		2,0 μm ;	0,018 μm ;	
		3,0 μm ;	0,038 μm ;	
		5,0 μm ;	0,080 μm ;	
5	Tủ hút/ <i>Fume hoods</i>	Đo vận tốc gió vào/ Inflow velocity test: (0,01 – 5) m/s	Đến 0,01m/s	TTS-02:20 25
		Kiểm tra hướng dòng khí/ Airflow smoke pattern test	/	
		Đo cường độ ánh sáng/ Lighting intensity test: (0,1 – 10 000) lx	Đến 0,1 lx	
		Đo độ ồn/ Noise level test: (10 – 140) dB	Đến 0,01 dB	

6	Phòng sạch/ <i>Clean room</i> ; Buồng sạch/ <i>Clean booth</i>	Đếm hạt phân loại cấp độ sạch/ Airbone Particle cleanliness classification: (0,1; 0,2; 0,3; 0,5; 1,0; 5,0; 10; 25) μm	-	TTS-03:20 25
		Kiểm tra rò rỉ màng lọc HEPA/ULPA/ HEPA/ULPA filter leak test: Hạt bụi/Particle: (5 - 100) $\mu\text{g/L}$	Đến 0,000 1 %	
		Kiểm tra hướng dòng khí/ Airflow smoke pattern test	/	
		Đo vận tốc dòng khí/ Air flow velocity: (0,01 - 15) m/s	Đến 0,01m/s	
		Đo lưu lượng dòng khí/ Air flow volume: (40 - 3 500) m^3/h	Đến 0,1 m^3/h	
		Chênh áp không khí/ Air pressure difference test: (-2 500 - 2 500) Pa	Đến 0,1Pa	
		Đo cường độ ánh sáng/ Lighting intensity test: (0,1 - 10 000) lx	Đến 0,1 lux	
		Đo độ ồn/ Noise level test: (10 - 140) dB	Đến 0,1dB	
		Thử độ đồng đều nhiệt độ/ Temperature uniformity test: (-20 - 50) $^{\circ}\text{C}$	Đến 0,01 $^{\circ}\text{C}$	
		Thử độ đồng đều độ ẩm/ Humidity uniformity test: (30 - 90) %RH	Đến 0,01 %RH	
		Trao đổi không khí/ Air change rate: (40 - 3 500) m^3/h	Đến 0,1 m/h	
		Đo độ rung/ Vibration test: Độ dịch chuyển/ Displacement: (0,000 2 - 1) mm	Đến 0,1 μm	
		Thử độ thu hồi/ Recovery test: 0,1; 0,2; 0,3; 0,5; 1,0 μm	Đến 1 hạt	

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG



CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
PHÒNG THỬ NGHIỆM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT TECHMASTER
Địa chỉ: 175 Võ Nguyên Giáp, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn
ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận: Đo lường - Hiệu chuẩn

Mã số: VLAC-1.0333

Số: AOSC-1.0333.1
Ngày cấp: 20/5/2025
Giá trị đến: 19/5/2030



GIÁM ĐỐC

PGS.TS NGUYỄN THỊ KHÁNH TRÂM

**VIETNAM UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS
ACCREDITATION OFFICE FOR STANDARDS CONFORMITY ASSESSMENT CAPACITY**



ACCREDITATION CERTIFICATE

**LABORATORY
TECHMASTER TECHNICAL SERVICES JOINT STOCK COMPANY**

**Address: 175 Vo Nguyen Giap Street, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City
has been assessed and found conforming with the requirements of standard**

ISO/IEC 17025:2017

Fields of Accreditation: Metrology - Calibration

Accreditation Code: VLAC-1.0333

No.: AOSC-1.0333.1
Issue date: 20/5/2025
Expiration date: 19/5/2030



DIRECTOR

Assoc. Prof. NGUYEN THI KHANH TRAM